

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 112/QĐ-BVTV-KH

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định lĩnh vực thử nghiệm
(lần 2)**

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về Quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

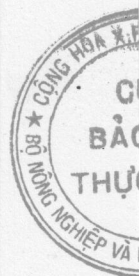
Căn cứ biên bản đánh giá thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định lĩnh vực thử nghiệm ngày 16/11/2018 của Viện Năng suất chất lượng Deming;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định lần 2 đối với lĩnh vực thử nghiệm phân bón và chất lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) cho Phòng thử nghiệm thuộc Viện Năng suất chất lượng Deming (Lô 21-22 B1-6 KDC Quang Thành 3B, P.Bắc Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng; Điện thoại: 0236.656929, Fax: 02363617519). Danh mục các phép thử được quy định chi tiết tại phụ lục 1 và 2 ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 24 tháng 2 năm 2020.



Điều 3. Phòng thử nghiệm thuộc Viện Năng suất chất lượng Deming có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Phòng thử nghiệm thuộc Viện Năng suất chất lượng Deming và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Vụ KHCN & MT, Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Bộ KHCN (để biết);
- Trung tâm tin học và thống kê (đăng website);
- Phòng QLPB, Thuộc BVTV, TTPC (để phối hợp);
- Phòng HTQT&TT (đăng website Cục BVTV);
- Lưu VT, KH.



CỤC TRƯỞNG

Hoàng Trung

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC PHƯƠNG PHÁP THỬ PHÂN BÓN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-BVTV-KH ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Cục Bảo vệ thực vật)

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Đối tượng phương pháp thử	Khoảng đo/LOQ	Phương pháp thử được chỉ định
1.	Độ ẩm * (đối với phân bón dạng rắn)	Phân Urê hạt trong	Khoảng đo: >0,1%	TCVN 2620:2014 (Phương pháp sấy)
2.		Phân lân nung chảy	Khoảng đo: >0,1%	TCVN 1078:1999
3.		Phân supe phosphat đơn	Khoảng đo: >0,1%	TCVN 4440:2004
4.		Phân bón DAP	Khoảng đo: > 0,1%	TCVN 8856:2012
5.		Phân hỗn hợp NPK	Khoảng đo: > 0,1 %	TCVN 5815:2001
6.	Xác định hàm lượng Nitrat	Các loại phân bón	Khoảng đo: > 0,2 %	TCVN 10682:2015
7.	Xác định hàm lượng K ₂ O hòa tan	Phân hỗn hợp NPK	Khoảng đo: >0,2 %	TCVN 5815:2001
8.	Xác định hàm lượng B	Phân bón vi lượng	LOQ: 30 mg/kg	TCVN 10680:2015
9.		Các loại phân bón	LOQ: 30 mg/kg	TCVN 10679:2015
10.	Xác định hàm lượng Mn*	Các loại phân bón	LOQ: 10 mg/kg	TCVN 9288:2012
11.	Xác định hàm lượng Zn*	Các loại phân bón	LOQ: 10 mg/kg	TCVN 9289:2012
12.	Xác định Hàm lượng C/N	Các loại phân bón	-	C: TCVN 9294: 2012 N: TCVN 8557:2010
13.	pH _{H2O}	Phân bón dạng lỏng	-	Ref.TCVN 6492:2011
14.	Tỷ trọng	Phân bón dạng lỏng	-	TCVN 3731:2007 (ISO 758:1976)
15.	Cỡ hạt (độ hạt, độ mịn)	Các loại phân bón	-	TCVN 4853:1989
16.	Xác định hàm lượng Ni*	Các loại phân bón	LOQ: 20 mg/kg	TCVN 10675:2015
17.	Xác định hàm lượng Cr*	Các loại phân bón	LOQ: 5 mg/kg	TCVN 6496:1999

Ghi chú: * Các chỉ tiêu có thay đổi giá trị định lượng LOQ/phạm vi đo so với chỉ định mở rộng lần 01 tại Quyết định số 1250/QĐ-BVTV-KH ngày 16/5/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC PHƯƠNG PHÁP THỬ CHẤT LƯỢNG THUỐC BVTV
(Ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-BVTV-KH ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Cục Bảo vệ thực vật)

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Khoảng đo/LOQ	Phương pháp thử được chỉ định
Xác định hàm lượng hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật (dạng kỹ thuật và thành phẩm)			
1.	Aluminium Phosphide	Khoảng đo: > 2,5%	TCCS 274:2015/BVTV
2.	Copper oxychloride	Khoảng đo: > 4,5%	TCVN 10158:2013
3.	Copper sulfate	Khoảng đo: > 1%	TCVN 10159:2013
4.	Choline chloride	Khoảng đo: > 0,51%	TCCS 296:2015/BVTV
5.	Dalapon	Khoảng đo: > 4%	TCCS 200:2014/BVTV
6.	Ethephon	Khoảng đo: > 0.5%	TCCS 311:2015/BVTV
7.	Metiram Complex	Khoảng đo: > 2,5 %	TC 04/2003-CL
8.	Naled	Khoảng đo: > 0,5%	TCCS 209:2014/BVTV
9.	Phosphorous acid	LOQ: 50 g/L	TCCS 346:2015/BVTV
10.	Saponin	LOQ: 30 g/kg	TCCS 355:2015/BVTV
11.	Sulfur	Khoảng đo: > 4 %	TCVN 8984:2011
12.	Thiodiazole copper	Khoảng đo: > 2%	TCCS 5:2008/BVTV
13.	Zinc Phosphide	Khoảng đo: > 2%	TCCS 371:2015/BVTV
14.	Zinc sulfate	LOQ: 10 g/kg	TCCS 372:2015/BVTV

Thy